

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/DS-ST

Ngày: 08-8- 2023

V/v tranh chấp đòi lại
tiền thuê đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hai

2. Bà Cao Thị Diệu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2022 về việc “tranh chấp đòi lại tiền thuê đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2023/QĐST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Minh Đ năm 1975.

Địa chỉ: B, ấp T, xã T, huyện L, Đồng Tháp

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Bé H năm 1960.

Địa chỉ: 3 N, Khóm B, Phường B, Tp ., Đồng Tháp

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Ú năm 1977.

Địa chỉ: C, ấp P, xã T, Tp ., Đồng Tháp

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Ngọc H1 năm 1967

Địa chỉ: C, ấp P, xã T, Tp ., Đồng Tháp

3.2. Bà Nguyễn Thị Kim H2 năm 1970.

Địa chỉ: F, ấp P, xã T, Tp ., Đồng Tháp

Ông H có mặt tại phiên toà, ông Ú1 H1 bà H2 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, ông Trần Văn B H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trương Minh Đ1 bày:

Ngày 21/11/2018, ông Trương Minh Đ2 thuận thuê phần đất thửa 605, tờ bản đồ số 25, diện tích 7.500m², đất tọa lạc xã T, Tp ., Đ ông Nguyễn Văn Ú2 thuê 4.000.000 đồng/1.000m²/năm, thời hạn thuê 06 năm (từ ngày 21/11/2018 đến 21/11/2024), tổng giá trị của hợp đồng thuê là 180.000.000 đồng, mục đích thuê để nuôi cá, hình thức thanh toán số tiền 180.000.000 đồng trả thành 03 lần, mỗi lần 60.000.000 đồng (02 năm trả 01 lần).

Từ ngày ký hợp đồng thuê đất đến ngày 15/11/2020 ông Đ3 trả tiền thuê đất cho ông Ú3 cộng 140.000.000 đồng. Việc ông Đ4 tiền cho ông Ú4 có làm giấy tờ.

Đến ngày 10/3/2021 ông Ú5 nhượng thửa đất 605 trên cho người khác, không cho ông Đ5 tiếp, tính từ ngày 21/11/2018 đến tháng 3/2021 ông Đ sử dụng đất thuê được 28 tháng, số tiền thuê đất ông Đ6 trả cho ông Ú6 70.000.000 đồng, nhưng ông Đ3 trả cho ông Ú140.000.000 đồng – 70.000.000 đồng, như vậy ông Đ4 tiền thuê đất cho ông Út dư 70.000.000 đồng.

Ngoài ra, quá trình sử dụng đất ông Đ5 kobe đào ao để nuôi cá, với số tiền 48.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông Đ7 yêu cầu tranh chấp gì đối với số tiền này.

Đối với ý kiến ông Ú7 rằng giữa ông Đ8 ông Ú8 thỏa thuận miệng số tiền 70.000.000 đồng (trả tiền thuê đất dư) khi ông Đ4 lại đất thuê trừ 10.000.000 đồng để ông Ú9 chi phí thuê nhân công ban đất khôi phục lại hiện trạng ban đầu thì ông Đ7 đồng ý, vì hợp đồng thực hiện chưa hết thời hạn.

Việc ông Ú7 rằng ông Đ3 vi phạm hợp đồng là cho người khác thuê lại đất thì ông Đ7 đồng ý, vì ông Đ7 có cho ai thuê lại đất và cũng không biết người tên T ai.

Đối với phần đất thuê thửa 605, tờ bản đồ số 25, diện tích 7.500m² theo hợp đồng thuê đất ngày 21/11/2018 giữa ông Trương Minh Đ9 ông Nguyễn Văn Ú Đ không yêu cầu tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì ông Đ3 giao trả đất thuê và ông Ú10 chuyển nhượng cho người khác không còn.

Nay ông Trương Minh Đ10 cầu ông Nguyễn Văn Ú11 lại số tiền 70.000.000 đồng (tiền thuê đất trả dư).

Ngoài ra, ông Đ11 định không có yêu cầu tranh chấp gì đối với bà H1 bà H2 và không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ú12 (có đơn xin vắng mặt). Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết có lời khai trình bày:

Ông Ú13 nhất lời trình bày của ông H3 diện theo ủy quyền của ông Đ12 thời

gian thỏa thuận hợp đồng thuê đất, giá thuê, thời hạn thuê, thửa đất thuê và hình thức thanh toán tiền thuê 02 năm/lần, mỗi lần 60.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình thuê đất ông Đ4 tiền cho ông Ú14 năm đầu (từ ngày 21/11/2018 đến ngày 21/11/2020) là 60.000.000 đồng. Từ ngày 21/11/2020 ông Đ13 phạm hợp đồng không trả tiền thuê đất theo thỏa thuận nên giữa ông Ú15 ông Đ14 đôi miệng thống nhất chấm dứt hợp đồng ngày 21/11/2018 và ông Ú16 đất thuê lại, nhưng không có hủy bỏ hợp đồng.

Sau đó, ngày 21/11/2020 ông Đ2 thuận miệng xin ông Ú7 thuê tiếp phần đất trên đến khi nào ông Ú17 đất cho người khác thì ông Đ4 lại đất và ông Đ sử dụng đất thuê được một thời gian từ ngày 21/11/2020 đến tháng 3/2021 là 04 tháng thì ông Ú18 báo cho ông Đ15 lấy lại đất để chuyển nhượng cho người khác, ông Đ16 ý.

Ông Ú19 định đã nhận tiền thuê đất của ông Đ17 ngày 21/11/2020 đến tháng 3/2021 tổng cộng là 80.000.000 đồng nhưng thời gian thuê đất thực tế từ ngày 21/11/2020 đến hết tháng 3/2021 là 04 tháng, số tiền 10.000.000đ đồng. Như vậy, ông Ú20 tiền thuê đất của ông Đ18 d70.000.000 đồng.

Ngoài ra, giữa ông Ú15 ông Đ2 thuận miệng số tiền 70.000.000 đồng (trả tiền thuê đất dư) trừ 10.000.000 đồng để ông Ú9 chi phí thuê nhân công ban đất trở lại hiện trạng ban đầu, như vậy ông Ú21 nợ lại ông Đ19 tiền 60.000.000 đồng. Nhưng ông Ú4 đồng ý trả lại ông Đ20 ông Ú7 rằng ông Đ13 phạm thỏa thuận tự ý cho người tên T1 lại đất (ông Ú4 rõ họ tên, địa chỉ ông T2 đâu).

Đối với phần đất thuê thửa 605, tờ bản đồ số 25, diện tích 7.500m² theo hợp đồng thuê đất ngày 21/11/2018 giữa ông Trương Minh Đ9 ông Nguyễn Văn Ú không yêu cầu tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì hợp đồng đã chấm dứt chỉ còn tranh chấp tiền thuê đất trả dư.

Nay ông Nguyễn Văn Ú22 đồng ý theo yêu cầu của ông Đ20 ông Ú7 rằng ông Đ13 phạm hợp đồng không trả tiền thuê đất theo thỏa thuận và tự ý cho ông T1 lại đất.

Trường hợp, Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Ú23 không yêu cầu bà H1bà H2hay người nào khác liên đới trả tiền cùng ông Ú24 ông Ú25 tiếp nhận tiền của ông Đ21 tiêu xài cá nhân.

Ngoài ra, ông Ú22 có ý kiến yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc H1bà Nguyễn Thị Kim H4(có đơn xin vắng mặt). Tuy nhiên, quá trình giải quyết có ý kiến như sau:

Khoảng năm 2018, ông Ú6 em ruột của bà H1bà H2có ký hợp đồng cho ông Đ5 phần đất của ông Ú26 cho thuê luôn phần diện tích đất của bà H1bà H2khoảng 4000m² (trong đó diện tích đất của bà H11.000m², bà H23.000m²) nhưng không cho bà H1bà H2biết đến khi ông Ú20 tiền thuê đất của ông Đ22 cho bà H18 triệu đồng, đưa cho bà H216 triệu đồng (số tiền thuê 02 năm từ 2018-2020). Khi đó, bà H1bà H2mới biết nhưng không có ý kiến tranh chấp, do nghĩ ông Ú6 em ruột.

Việc cho thuê đất do ông Ú25 tiếp thỏa thuận với ông Đ23 H1bà H2không có thỏa thuận cho ông Đ5 đất và cũng không biết ông Đ24 ai cũng như quá trình thuê đất ông Đ25 cho ai thuê lại không, bà H1bà H2không biết do nhà ở xa phần đất thuê.

Ngoài số tiền ông Ú27 cho bà H18 triệu đồng, đưa cho bà H216 triệu đồng trên thì ông Ú22 có đưa cho bà H1 bà H2 số tiền nào khác nữa.

Bà H1 bà H2 xác định việc tranh chấp giữa ông Đ9 ông Ú28 bà H1 bà H2 không có liên quan và cũng không có ý kiến yêu cầu tranh chấp gì trong vụ án này, đồng ý để ông Đ9 ông Ú29 giải quyết với nhau.

Ngoài ra, bà H1 và bà H2 không có ý kiến yêu cầu gì khác.

*** Đại diện Viện kiểm sát thành phố Sphát biểu ý kiến:** Trình tự, thủ tục giải quyết xét xử vụ án, các chứng cứ được Toà án thu thập, thực hiện đầy đủ, đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và các đương sự trong vụ án được bảo đảm đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc ông Nguyễn Văn Ú11 cho ông Trương Minh Đ26 tiền 60.000.000đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm giải quyết theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Minh Đ27 là tranh chấp hợp đồng thuê đất. Tuy nhiên, trong quá trình thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án, nguyên đơn chỉ tranh chấp yêu cầu bị đơn trả lại số tiền thuê đất. Do đó, Hội đồng xét xử xác định yêu cầu tranh chấp của nguyên đơn là “tranh chấp đòi lại tiền thuê đất” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại phiên toà, bị đơn ông Nguyễn Văn Ú12 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc H1 bà Nguyễn Thị K H3 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điểm b, Khoản 2, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Minh Đ10 cầu ông Nguyễn Văn Ú11 lại số tiền 70.000.000 đồng (tiền thuê đất trả dư).

[2.1]. Theo ông Đ1 bày ngày 21/11/2018, ông Đ2 thuận thuê phần đất diện tích 7.500m², đất tọa lạc xã T, Tp ., Đồng Tháp của ông Ú2 thuê 4.000.000 đồng/1.000m²/năm, thời hạn thuê 06 năm (từ ngày 21/11/2018 đến 21/11/2024), tổng giá trị của hợp đồng thuê là 180.000.000 đồng, mục đích thuê để nuôi cá, hình thức thanh toán số tiền 180.000.000 đồng trả thành 03 lần, mỗi lần 60.000.000 đồng (02 năm trả 01 lần).

Từ ngày ký hợp đồng thuê đất đến ngày 15/11/2020 ông Đ3 trả tiền thuê đất cho ông Ú30 lần tổng số tiền 140.000.000 đồng. Đến ngày 10/3/2021 ông Ú5 nhượng

phần đất thuê cho người khác, không cho ông Đ5 tiếp, tính từ ngày 21/11/2018 đến tháng 3/2021 thì ông Đ5 sử dụng đất thuê được 28 tháng, số tiền thuê đất ông Đ6 trả cho ông Ú6 70.000.000 đồng, nhưng ông Đ3 trả cho ông Ú140.000.000 đồng – 70.000.000 đồng. Như vậy, ông Đ4 tiền thuê đất cho ông Ú dư 70.000.000 đồng. Do đó, ông Đ10 cầu ông Ú11 lại số tiền 70.000.000 đồng.

[2.2]. Đối với ông Ú31 nhận có thỏa thuận cho ông Đ5 phần đất tọa lạc tại xã T, Tp ., Đồng T3 giá thuê, thời hạn thuê, mục đích thuê và hình thức thanh toán tiền thuê như ông Đ1 bày.

Quá trình thuê đất ông Đ4 tiền cho ông Ú14 năm đầu (từ ngày 21/11/2018 đến ngày 21/11/2020) là 60.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ ngày 21/11/2020 ông Đ13 phạm hợp đồng không trả tiền thuê đất theo thỏa thuận nên giữa ông Ú15 ông Đ14 đổi miệng thống nhất chấm dứt hợp đồng thuê ngày 21/11/2018 và ông Ú16 đất thuê lại. Sau đó, ngày 21/11/2020 ông Ú32 thuận miệng cho ông Đ5 lại phần đất trên đến khi nào ông Ú17 đất cho người khác thì ông Đ4 lại đất và ông Đ5 sử dụng đất thuê được một thời gian từ ngày 21/11/2020 đến tháng 3/2021 là 04 tháng, ông Ú18 báo cho ông Đ24 đất thuê đã chuyển nhượng cho người khác và lấy lại đất, ông Đ16 ý.

Thời gian thuê 04 tháng (từ ngày 21/11/2020 đến ngày 21/3/2021) ông Đ4 tiền thuê đất cho ông Ú3 cộng 04 lần, số tiền 80.000.000 đồng, nhưng thời gian thuê đất thực tế là 04 tháng tính thành tiền 10.000.000 đồng. Như vậy, ông Ú10 nhận tiền thuê đất của ông Đ18 d70.000.000 đồng đúng như lời trình bày của ông Đ.

Tuy nhiên, ông Ú7 rằng giữa ông Ú15 ông Đ25 thỏa thuận miệng số tiền 70.000.000 đồng tiền thuê đất trả dư trừ 10.000.000 đồng, để ông Ú9 chi phí thuê nhân công ban đất trở lại hiện trạng ban đầu khi ông Đ4 lại đất thuê. Do đó, ông Ú21 nợ lại ông Đ26 tiền 60.000.000 đồng và ông Ú22 đồng ý trả lại cho ông Đ9 lý do ông Đ13 phạm thỏa thuận tự ý cho ông T thuê lại đất.

[3]. Qua đối chiếu lời trình bày của đương sự, tài liệu chứng cứ thể hiện hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy:

Đối với việc thỏa thuận thuê đất được các bên đương sự thống nhất về diện tích đất thuê, giá thuê, thời hạn thuê cũng như số tiền thuê đất ông Đ3 trả cho ông Ú20 còn dư lại 70.000.000 đồng. Tình tiết này được các bên thừa nhận, không phải chứng minh nên HĐXX công nhận.

[3.1]. Tuy nhiên, ông Ú7 rằng giữa ông Ú15 ông Đ25 thỏa thuận, sau khi ông Đ4 lại phần đất thuê thì ông Đ28 chi phí ban đất theo hiện trạng ban đầu số tiền 10.000.000 đồng. Vấn đề này, ông Đ7 đồng ý, lý do thời hạn thuê đất thỏa thuận 06 năm nhưng chưa đến hạn thì ông Ú16 đất lại.

Xét thấy, theo nội dung hợp đồng ngày 21/11/2018 giữa ông Đ9 ông Ú8 thỏa thuận chi phí ban đất số tiền 10.000.000 đồng do bên ông Đ28. Do đó, trình bày của ông Ú33 tiền 70.000.000 đồng ông Ú20 của ông Đ18 t10.000.000 đồng (chi phí ban đất), còn lại 60.000.000đ đồng là có căn cứ.

[3.2]. Mặt khác, ông Ú còn nại cho rằng ông Đ3 vi phạm thỏa thuận giữa các bên, cụ thể ông Đ29 ý cho ông T thuê lại đất, không được sự đồng ý của ông Ú nên

ông Ú22 đồng ý trả lại ông Đ26 tiền 60.000.000 đồng. Còn phía ông Đ7 thừa nhận có cho người tên Thoặc người nào khác thuê lại đất mà do ông Đ30 tiếp thuê, sử dụng, hơn nữa ông Đ31 không biết ông T ai.

[3.3]. Xét lời trình bày của những người làm chứng xác định không biết người tên T ai và cũng không biết việc ông Đ25 cho người tên T1 lại đất. Riêng đối với người làm chứng bà Nguyễn Thị Ngọc B1 vợ của ông Ú7 rằng có biết việc người tên T1 lại đất của ông Đ32 bà B2 biết họ tên, năm sinh, địa chỉ của ông T2 đâu. Do đó, lời trình bày của bà B2 đảm bảo khách quan.

Như vậy, việc ông Ú34 cho rằng ông Đ29 ý cho ông T1 lại đất nhưng ông Ú22 cung cấp được họ tên, năm sinh, địa chỉ của người tên T5 có chứng cứ chứng minh vấn đề này.

Qua nhận định trên HĐXX xét thấy việc ông Đ10 cầu ông Ú11 lại số tiền 70.000.000 đồng tiền thuê đất trả dư chỉ có cơ sở chấp nhận một phần.

[4] Đối với phần đất thuê thửa 605, tờ bản đồ số 25, diện tích 7.500m² theo hợp đồng thuê đất ngày 21/11/2018 giữa ông Trương Minh Đ9 ông Nguyễn Văn Ú35 bên đương sự không yêu cầu tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì hợp đồng đã chấm dứt nên HĐXX không xem xét.

Các đương sự ông Đông Ú36 có yêu cầu tranh chấp gì đối với bà H3bà H2cũng như bà H3bà H2không có ý kiến yêu cầu tranh chấp gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp tình tiết nội dung vụ án, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Minh Đ27 như đã phân tích.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166, Điều 500 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Minh Đ27 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Ú11 lại số tiền 70.000.000 đồng (tiền thuê đất trả dư).

Buộc ông Nguyễn Văn Ú11 cho ông Trương Minh Đ26 tiền 60.000.000 đồng

(sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Trương Minh Đ27 nộp 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí ông Trương Minh Đ27 đã nộp 2.950.000 đồng theo biên lai số 0000538 ngày 19/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được chuyển thành án phí, ông Đ được nhận lại số tiền 2.450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Ú nộp 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Kiều

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPSĐ;
- THA.TP. Sa Đéc;
- Tòa án tỉnh ĐT;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.